

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N Đ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21/9/2020
*V/v tranh chấp chia tài sản
chung sau khi ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N Đ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Linh.
2. Ông Phạm Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2019 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Huỳnh V, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Anh Võ M, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn K, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/9/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Thị Huỳnh V trình bày: Chị Ngô Thị Huỳnh V và anh Võ M trước đây có mối quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn vào ngày 14/6/2004 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình chung sống không hạnh phúc nên vợ chồng đã thuận tình ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện N Đ công nhận theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2015/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2015: Trong đó, về con chung thì vợ

chồng chị V, anh M không có con chung; về tài sản chung của vợ chồng thì chị Ngô Thị Huỳnh V và anh Võ M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi ly hôn vợ chồng đã không tự thỏa thuận, giải quyết được với nhau nên chị V có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

Quá trình tồn tại quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị Huỳnh V và anh Võ M thì vợ chồng có tạo lập được một số tài sản chung mà chị Ngô Thị Huỳnh V yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

- Thửa đất số 06 tờ bản đồ số 00 diện tích 1.813,1m² đất được Ủy ban nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 10/01/2013 đứng tên Võ M, Ngô Thị Huỳnh V. Ngày 09/9/2016, Ủy ban nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định số 1352/QĐ-UBND thu hồi một phần diện tích đất là 515,6m² đất trồng cây lâu năm; diện tích đất còn lại sau khi thu hồi là 1297,5m², trong đó 300m² đất ở và 997,5m² đất trồng cây lâu năm, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N Đ điều chỉnh thay đổi ngày 05/10/2018.

- 01 ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất mà chị Ngô Thị Huỳnh V yêu cầu Tòa án phân chia và các cây trồng tồn tại trên thửa đất.

- Số tiền 134.502.000 đồng mà Ủy ban nhân dân huyện N Đ bồi thường do thu hồi 515,6m² đất trồng cây lâu năm và tài sản theo Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 09/9/2016.

Tại phiên hòa giải ngày 03/9/2020, chị Ngô Thị Huỳnh V yêu cầu anh Võ M thanh toán cho chị Ngô Thị Huỳnh V một phần hai giá trị ngôi nhà là 99.883.000 đồng và một phần hai giá trị số tiền đền bù khi Ủy ban nhân dân huyện N Đ thu hồi đất và tài sản là 67.251.000 đồng. Tổng cộng số tiền mà chị Ngô Thị Huỳnh V yêu cầu anh Võ M thanh toán cho chị là 167.134.000 đồng; nhưng anh Võ M không đồng ý thỏa thuận.

Tại phiên tòa, chị V vẫn giữ nguyên nội dung thỏa thuận trên nhưng anh M vẫn không đồng ý thỏa thuận. Vì vậy, chị V có thay đổi yêu cầu khởi kiện: Cụ thể chị V chỉ yêu cầu được nhận phần diện tích đất đã được xem xét, thẩm định tại chỗ là 661,5 m² (phần đất không có nhà ở); chị Ngô Thị Huỳnh V giao lại cho anh Võ M được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản gồm: Phần diện tích 636,0m² đất, trong đó 150m² đất ở và 486m² đất trồng cây lâu năm, 01 ngôi nhà, cây trồng tồn tại trên đất và số tiền đền bù 134.502.000 đồng.

Về chi phí tố tụng cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Ngô Thị Huỳnh V tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng này với số tiền 3.250.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Võ M trình bày: Anh Võ M thừa nhận trước đây anh Võ M và chị Ngô Thị Huỳnh V là vợ chồng và có tạo lập được các tài sản chung như chị Ngô Thị Huỳnh V đã trình bày. Tuy nhiên, quá trình sống chung do chị Ngô Thị Huỳnh V có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng phải ly hôn. Nay chị Ngô Thị Huỳnh V yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng như chị Ngô Thị Huỳnh V đã trình bày thì anh Võ M hoàn toàn không đồng ý với các lý do.

- Nguồn gốc thửa đất mà chị Ngô Thị Huỳnh V đang yêu cầu Tòa án giải quyết trước đây là do cha mẹ anh Võ M là ông Võ H, bà Đặng Thị R tặng cho vợ chồng thì nay phải trả lại cho ông Võ H và bà Đặng Thị R.

- Đối với 01 ngôi nhà cấp 4 tồn tại trên thửa đất thì anh Võ M không đồng ý phân chia; chị Ngô Thị Huỳnh V muốn phân chia thì cứ đập bỏ, lấy tôn, gạch. Hiện nay trong ngôi nhà không có tài sản gì.

- Số tiền mà Ủy ban nhân dân huyện N Đ bồi thường do thu hồi 515,6m² đất trồng cây lâu năm theo Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 là 134.502.000 đồng hiện nay anh Võ M đã nhận đủ, nhưng anh Võ M không đồng ý phân chia số tiền này cho chị V.

Quá trình Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thể hiện:

Về đất: Thửa đất số 06, tờ bản đồ số 00, được Ủy ban nhân dân huyện N Đ cấp cho anh Võ M, chị Ngô Thị Huỳnh V, có tổng diện tích 1813,1 m², đã bị Ủy ban nhân dân huyện N Đ thu hồi 515,6 m² theo Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 09/9/2016, diện tích còn lại sau khi bị thu hồi là 1297,5 m² (gồm 300 m² đất ở và 997,5 m² đất thổ cư), được đăng ký tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện N Đ ngày 05/10/2018; có đặc điểm được ngăn cách bởi đường giao thông thành hai phần: Phần đất có ký hiệu 6a có diện tích 661,5 m² (trong đó có 150,0 m² đất ở và 511,5 m² đất trồng cây lâu năm), Phần đất có ký hiệu 6b có diện tích 636,0 m² (trong đó có 150,0 m² đất ở và 486,0 m² đất trồng cây lâu năm); giá trị định giá 455.000đ/1 m² đất ở, 21.000đ/1 m² đất trồng cây lâu năm; tổng giá trị đất là 384.378.000đ.

Về các tài sản trên đất: 01 ngôi nhà ở cấp 4 tọa lạc trên phần đất ký hiệu 6b, có giá trị 199.766.000đ. Cây trồng trên phần đất ký hiệu 6b, có giá trị 3.442.110đ.

Các đương sự đều thống nhất về kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và kết quả định giá tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực

hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Võ M chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ do vắng mặt trong một số phiên họp, phiên hòa giải của Tòa án làm cho vụ án bị kéo dài, gây cản trở tố tụng là vi phạm Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 213 và Điều 219 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ Điều 28; Điều 33; Điều 59; Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ Điều 7 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Đồng thời xét tính chất lỗi ngang nhau của chị V, anh M trong việc chấm dứt quan hệ hôn nhân. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Huỳnh V tại phiên tòa, giải quyết chia đôi quyền sử dụng 1297,5 m² đất cho chị V và anh M (gồm 300 m² đất ở và 997,5 m² đất trồng cây lâu năm) được chia thành 02 thửa đất: 01 thửa đất có nhà với diện tích là 610 m² và 01 thửa còn lại với diện tích là 688,2 m².

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị V, anh M chịu án phí tương ứng với phần tài sản mà chị V, anh M được phân chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. [Về tố tụng]: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị Huỳnh V có thay đổi yêu cầu khởi kiện. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của chị V không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2. [Về nội dung]:

Về nguồn gốc thửa đất và tài sản khác gắn liền với đất: Căn cứ vào lời khai của chị Ngô Thị Huỳnh V, anh Võ M, ông Võ H và bà Đặng Thị R và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp do ông Võ H, bà Đặng Thị R lập hợp đồng tặng cho vợ chồng anh Võ M, chị Ngô Thị Huỳnh V vào ngày 06/12/2012, được chứng thực cùng ngày tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đối với các tài sản là 01 ngôi nhà cấp 4 và các cây trồng trên thửa đất đều do vợ chồng anh M, chị V tự tạo lập, xây dựng.

Quá trình chung sống không hạnh phúc nên vợ chồng chị Ngô Thị Huỳnh V và anh Võ M đã thuận tình ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện N Đ công nhận theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2015/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2015, về vấn đề tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau đó giữa chị V và anh M đã không tự thỏa thuận được với nhau. Nay chị Ngô Thị Huỳnh V làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét yêu cầu của chị Ngô Thị Huỳnh V, anh Võ M và lỗi của các bên khi chấm dứt quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của chị Ngô Thị Huỳnh V thì vợ chồng chị V, anh M kết hôn từ năm 2004, quá trình chung sống anh Võ M thường xuyên nhậu nhẹt về nhà dùng dao rượt đuổi chị V, có hành vi bạo lực gia đình, nhất là vợ chồng sống với nhau nhiều năm mà không có con chung, trong đó nguyên nhân là do anh Võ M bị bệnh lý nên không thể có con; sau khi ly hôn chị Vy đã kết hôn với người khác và sinh con vào năm 2017. Hiện nay anh Võ M cũng sống chung với người phụ nữ khác và cũng không có con. Đối với anh Võ M cũng thừa nhận vợ chồng không có con chung là do anh không có khả năng có con và do chị V ngoại tình nên anh M mới có hành vi bạo lực gia đình. Trên cơ sở lời khai của chị V, anh M và các tài liệu mà Tòa án thu thập được, chứng minh lỗi của chị V, anh M dẫn đến vợ chồng ly hôn là ngang nhau, thực sự các đương sự cũng thuận tình ly hôn và được Tòa án công nhận.

Xét công sức đóng góp vào khối tài sản chung của vợ chồng: Hội đồng xét xử thấy rằng, nguồn gốc thửa đất này là của cha mẹ anh Võ M tặng cho vợ chồng; hiện nay chị Ngô Thị Huỳnh V đã có gia đình riêng, có nhà cửa riêng nên chị Ngô Thị Huỳnh V chỉ yêu cầu được nhận một phần diện tích đất là 661,5m² đất, trong đó 150m² đất ở và 511,5m² đất trồng cây lâu năm. Đối với anh Võ M từ khi ly hôn cho đến nay vẫn chưa kết hôn với người khác nên chị Ngô Thị Huỳnh V đã để lại phần lớn tài sản chung cho anh Võ M, trong đó phần đất có diện tích là 636m² đất, trong đó 150m² đất ở và 486m² đất trồng cây lâu năm, 01 ngôi nhà cấp 4 trị giá 199.766.000đ, các cây trồng tồn tại trên đất có giá trị là 3.422.110đ và số tiền đền bù khi thu hồi 515,6m² và tài sản gắn liền với đất là 134.502.000đ. Vì vậy, cần ghi nhận sự tự nguyện của chị Ngô Thị Huỳnh V để chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Huỳnh V, giao cho chị Ngô Thị Huỳnh V được nhận phần diện tích đất 661,5m² đất, trong đó 150m² đất ở và 511,5m² đất trồng cây lâu năm.

Giao lại cho anh Võ M phần đất có diện tích là 636m² đất, trong đó 150m² đất ở và 486m² đất trồng cây lâu năm, 01 ngôi nhà cấp 4 trị giá 1 99.766.000đ, các cây trồng tồn tại trên đất có giá trị là 3.422.110đ và số tiền đền bù khi thu hồi 515,6m² và tài sản gắn liền với đất là 134.502.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội.

3. [Về án phí dân sự sơ thẩm]: 01m² đất ở có giá trị là 455.000đ; 01m² đất trồng cây lâu năm có giá trị là 21.000 đồng.

Chị Ngô Thị Huỳnh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với tài sản được nhận gồm: (150m² đất ở x 455.000đ) + (511,5m² đất trồng cây lâu năm x 21.000đ) = 68.250.000đ + 10.741.500đ = 78.991.500 x 5% = 3.949.575đ.

Anh Võ M phải chịu án phí tương ứng với tài sản được nhận gồm:

+ (150m² đất ở x 455.000đ) + (486,0m² đất trồng cây lâu năm x 21.000đ) = 68.250.000đ + 10.206.000đ = 78.456.000đ.

+ 01 ngôi nhà được có giá trị là 199.766.000đ.

+ Các cây trồng có giá trị là 3.442.110đ.

+ Số tiền đền bù mà anh Võ M đã nhận là 134.502.000đ.

Tổng cộng là 78.456.000đ + 199.766.000đ + 3.442.110 + 134.502.000đ = 416.166.110đ.

Anh Võ M phải chịu án phí là: 20.000.000đ + (4% x 16.166.110 đ) = 20.646.644đ.

4. [Về chi phí tố tụng]: Chị Ngô Thị Huỳnh V tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.250.000đ nên Hội đồng xét xử công nhận.

5. [Về quyền kháng cáo]: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 157; Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 213 và Điều 219 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 33; khoản 1 Điều 34; Điều 59; khoản 1, 2 Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 3, 4, 5 Điều 7 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Huỳnh V được phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Cụ thể:

+ Giao cho chị Ngô Thị Huỳnh V được quyền quản lý sử dụng diện tích đất là 661,5m² đất, trong đó 150m² đất ở và 511,5m² đất trồng cây lâu năm; diện tích đất này có số ký hiệu 6a nằm trong thửa đất số 06 tờ bản đồ số 00 diện tích 1.813,1m² đất được Ủy ban nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 10/01/2013 đứng tên Võ M, Ngô Thị Huỳnh V tọa lạc tại khu vực X (Nay là tổ dân phố Y) thị trấn K, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngày 09/9/2016, Ủy ban nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định số 1352/QĐ-UBND thu hồi một phần diện tích đất là 515,6m² đất trồng cây lâu năm; diện tích đất còn lại sau khi thu hồi là 1297,5m², trong đó 300m² đất ở và 997,5m² đất trồng cây lâu năm, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N Đ điều chỉnh thay đổi ngày 05/10/2018. Hiện nay bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên Võ M, Ngô Thị Huỳnh V đang do chị Ngô Thị Huỳnh V quản lý (Kèm theo là bản đồ xác định diện tích, vị trí thửa đất).

+ Giao cho anh Võ M được quyền sử dụng 636,0m² đất, trong đó 150,0m² đất ở và 486,0m² đất trồng cây lâu năm. Diện tích đất này có số ký hiệu 6b nằm trong thửa đất số 06 tờ bản đồ số 00 diện tích 1.813,1m² đất được Ủy ban nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 10/01/2013 đứng tên Võ M, Ngô Thị Huỳnh V tọa lạc tại khu vực X (Nay là số nhà số XY đường B Q H, tổ dân phố Y) thị trấn K, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngày 09/9/2016, Ủy ban nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định số 1352/QĐ-UBND thu hồi một phần diện tích đất là 515,6m² đất trồng cây lâu năm; diện tích đất còn lại sau khi thu hồi là 1297,5m², bao gồm 300m² đất ở và 997,5m² đất trồng cây lâu năm, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N Đ điều chỉnh thay đổi ngày 05/10/2018. (Kèm theo là bản đồ xác định diện tích, vị trí thửa đất).

+ Giao cho anh Võ M được quyền sở hữu 01 ngôi nhà cấp 4 và toàn bộ các cây trồng tồn tại trên phần diện tích đất được giao cho anh Võ M được quyền sử dụng.

+ Giao cho anh Võ M được quyền sở hữu số tiền được Ủy ban nhân dân huyện N Đ đền bù, hỗ trợ là 134.502.000 đồng. Số tiền này anh Võ M đã nhận đủ vào ngày 15/3/2017 theo phiếu chi đền bù giải tỏa ngày 13/3/2017 của Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Ủy ban nhân dân huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, chị Ngô Thị Huỳnh V và anh Võ M có trách nhiệm liên hệ với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục

cập nhật biến động để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Ngô Thị Huỳnh V phải chịu 3.949.575đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền mà chị Ngô Thị Huỳnh V đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí là 6.056.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000721 ngày 01/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoàn trả cho chị Ngô Thị Huỳnh V số tiền chênh lệch tạm ứng án phí là 2.106.425đ.

- Buộc anh Võ M phải chịu 20.646.644đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Chị Ngô Thị Huỳnh V tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng này với số tiền 3.250.000 đồng. Chị Ngô Thị Huỳnh V đã nộp đủ số tiền này.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện N Đ;
- Chi cục THADS huyện N Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú